| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 231/2018/QĐST-HNGĐ | *Thới Bình, ngày 03 tháng 10 năm 2018* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 332/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018, giữa:

*1. Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1974

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Q: Luật sư Đặng Minh Hải, là Luật sư của Văn phòng luật sư Lê Anh Tuấn thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau

*2. Bị đơn*: Ông Trần Văn V, sinh năm 1974

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông V: Luật sư Lê Thanh Thuận, là Luật sư của Văn phòng luật sư Lê Thanh Thuận thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Trần Thị H, sinh năm 1965

3.2. Ông Trần Văn T

3.3. Bà Nguyễn Thị M (vợ của ông T)

3.4. Bà Nguyễn Thị D

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau

3.5. Ông Đặng Văn Đ

Địa chỉ: Ấp N, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu

3.6. Ông Nguyễn Văn G

3.7. Bà Nguyễn Thị K (vợ của ông G)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 60, 62 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 9 năm 2018,

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Q và ông Trần Văn V.

**2.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Q và ông Trần Văn V thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Bà Q và ông V có 01 người con chung đã trưởng thành tên Trần Chí N, sinh năm 1997 (giới tính: Nam) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung:

2.3.1. Bà Q và ông V thống nhất phân chia các tài sản chung gồm:

- Ông V quản lý, sử dụng phần đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 180667 do Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau cấp cho ông V và bà Q ngày 15 tháng 11 năm 2012, gồm các thửa đất số 391, 435, 457, 470, tờ bản đồ số 8, có tổng diện tích 22.172m$^2$, tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bà Q quản lý, sử dụng phần đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 180666 do Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau cấp cho ông V và bà Q ngày 15 tháng 11 năm 2012, gồm các thửa đất số 466, 353, 384, 433, 453, tờ bản đồ số 8, có tổng diện tích 22.624m$^2$, tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bà Q và ông V thống nhất duy trì hợp đồng cho thuê hai phần đất nêu trên đối với ông Trần Văn T và vợ là bà Nguyễn Thị M theo hợp đồng thuê đất được hai bên xác lập ngày 17 tháng 3 năm 2018. Hết thời hạn cho thuê (03 năm), ông T và vợ là bà M có trách nhiệm giao trả cho ông V quản lý, sử dụng phần đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 180667 do Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau cấp ngày 15 tháng 11 năm 2012 gồm các thửa đất số 391, 435, 457, 470, tờ bản đồ số 8, có tổng diện tích 22.172m$^2$, tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau, và giao trả cho bà Q quản lý, sử dụng dụng phần đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 180666 do Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau cấp ngày 15 tháng 11 năm 2012 gồm các thửa đất số 466, 353, 384, 433, 453, tờ bản đồ số 8, có tổng diện tích 22.624m$^2$, tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2.3.2. Bà Q, ông V, bà H, bà D thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết mà tự thỏa thuận với nhau đối với các tài sản sau đây: Khoản tiền bà H nợ bà Q và ông V 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng); khoản nợ vay của bà D; 01 xe SH mode biển số 69D1-285.93; 01 lò bánh mì và thiết bị máy móc kèm theo lò bánh mì có địa chỉ: Số nhà 62 đường P, phường M, thành phố L, tỉnh A; phần đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 9345266 do Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình cấp cho hộ gia đình bà Q ngày 02 tháng 6 năm 1998, gồm thửa đất số 26, tờ bản đồ số 18$^A$, diện tích 17.250m$^2$, tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2.3.3. Ông V không có yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần đất diện tích 04 công tầm lớn, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Phần đất hiện do ông Nguyễn Văn G và vợ là bà Nguyễn Thị K quản lý, sử dụng.

2.4. Về nợ chung: Không có

2.5. Về án phí:

2.5.1. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Q đồng ý nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng).

2.5.2. Án phí chia tài sản, đương sự phải nộp 50% án phí có giá ngạch:

- Ông V đồng ý nộp 10.868.000 đồng (mười triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn đồng);

- Bà Q đồng ý nộp 10.929.500 đồng (mười triệu chín trăm hai mươi chín ngàn năm trăm đồng). Vào ngày 18 tháng 5 năm 2018 bà Q nộp tạm ứng án phí 15.899.500 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005488 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được khấu trừ và nhận lại 4.820.000 đồng (bốn triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***:
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Lộc Đông;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**
(Đã ký)

**Nguyễn Trọng Quế**